

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2019/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1791/TTr-SNV ngày 31/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND
ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quy định về thôn, khu phố

1. Thôn, bản được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn, bản (sau đây gọi chung là thôn).
2. Khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.
3. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của Cấp ủy đảng.
2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.
3. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định; thực hiện việc sáp nhập các thôn, khu phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.
4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, khu phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thì ghép vào thôn, khu phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi khu phố có Trưởng khu phố.
2. Trường hợp cần thiết, bố trí Phó Trưởng thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, khu phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, khu phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, khu phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, khu phố; tham gia xây dựng, nhân rộng các mô hình tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.
4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, khu phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, khu phố

1. Hội nghị thôn, khu phố được tổ chức mỗi năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố. Hội nghị do Trưởng thôn, khu phố triệu tập và chủ trì.

2. Hội nghị thôn, khu phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự. Đối với thôn có từ 500 hộ gia đình trở lên và khu phố có từ 600 hộ gia đình trở lên thì Hội nghị được tiến hành khi có trên 30% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham dự.

3. Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, khu phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, khu phố mới thì việc thành lập thôn mới, khu phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Đối với thôn: Phải có từ 250 hộ gia đình trở lên; thôn ở xã đảo có từ 100 hộ gia đình trở lên.

Đối với khu phố: Phải có từ 300 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Thôn, khu phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với các trường hợp đặc thù:

a) Thôn, khu phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, thôn nằm biệt lập trên các đảo; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Trường hợp ở hải đảo cách xa đất liền, do việc di dân hoặc để bảo vệ chủ quyền biển đảo thì việc thành lập thôn, khu phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại Khoản 1 Điều này.

c) Thôn, khu phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã

thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, khu phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

Thực hiện theo Điều 7a quy định tại Khoản 5 Điều 1 và Điều 8a quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, khu phố mới

Thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ và Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, khu phố

1. Nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, khu phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, khu phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, khu phố theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

b) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, khu phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, khu phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật, hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, diễn biến các loại dịch bệnh và vệ sinh, môi trường trong thôn, khu phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, khu phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, khu phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, khu phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động; Đồng thời, vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam.

e) Định kỳ sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, khu phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, khu phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, khu phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, khu phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, khu phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố.

Điều 12. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, khu phố và Phó Trưởng thôn, khu phố

1. Có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố.

2. Độ tuổi từ đủ 21 tuổi trở lên.

3. Có sức khỏe, hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công việc; có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

4. Có trình độ văn hóa tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên đối với khu vực đồng bằng và có trình độ văn hóa tốt nghiệp Tiểu học trở lên đối với khu vực miền núi, hải đảo. Đối với những địa phương thật sự khó khăn về nhân sự, người được giới thiệu ra ứng cử Trưởng thôn, khu phố chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn trình độ văn hóa thì cấp ủy cấp xã xem xét, quyết định cho phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả hoạt động của thôn, khu phố.

Điều 13. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, khu phố và Phó Trưởng thôn, khu phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, khu phố là 05 năm. Trường hợp do thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, khu phố trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, khu phố lâm thời.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, khu phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, khu phố.

Điều 14. Bầu cử Trưởng thôn, khu phố và Phó Trưởng thôn, khu phố

1. Việc bầu cử Trưởng thôn, khu phố được thực hiện bằng hình thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín. Cử tri tham gia bầu cử là cử tri đại diện hộ gia đình, từ đủ 18 tuổi trở lên, cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố (thường trú hoặc tạm trú từ 06 tháng trở lên). Ngày bầu cử do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch bầu Trưởng thôn, khu phố mới khi Trưởng thôn, khu phố hết nhiệm kỳ. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, khu phố.

2. Phó Trưởng thôn, khu phố do Trưởng thôn, khu phố giới thiệu sau khi lấy ý kiến thống nhất của Chi ủy, nơi không có Chi ủy thì phải lấy ý kiến Chi bộ thôn, khu phố và Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, khu phố.

Điều 15. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, khu phố

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định việc thành lập thôn mới, khu phố mới báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi việc thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xem xét, quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, khu phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh triển khai quy chế này đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường, thị trấn để phối hợp với Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để UBND tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai